TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA H'LEO** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/DSST.
Ngày: 24-02-2021.
V/v: "Kiện tranh chấp HĐ vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO.

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Ánh Sửu.

2. Bà Trần Thị Thúy.

-Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 24/02/2021 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 504/2020/TLST-DS, ngày 21/12/2020, về việc "Kiện tranh chấp HĐ vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐST-DS ngày 02/02/2021 giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kh, sinh năm 1962. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn E, huyện H, tỉnh Đăk Lăk.

Bị đơn: Ông Lê Ph, sinh năm 1960. Có mặt và bà Trương Thị C, sinh năm 1961. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện H, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Kh là nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/5/2016 ông Ph, bà C ký giấy xác nhận còn nợ bà Kh 2.640 kg cà phê nhân xô, ông Ph, bà C hẹn cuối năm 2016 trả, nhưng cho đến nay ông Ph, bà C vẫn chưa trả nợ cho bà Kh.

Ngày 14/12/2016 ông Ph ký giấy ứng của bà Kh 10.000.000 đồng, ông Ph, bà C vẫn chưa trả nợ cho bà Kh.

Ngày 07/12/2017 ông Ph, bà C ký giấy xác nhận còn nợ bà Kh 17.330.000 đồng, ông Ph, bà C hẹn trả trong vòng 4 tháng, nhưng cho đến nay ông Ph, bà C vẫn chưa trả nợ cho bà Kh.

Nay bà Kh yêu cầu ông Ph, bà C trả cho bà Kh 2.640 kg cà phê nhân xô và 27.330.000 đồng.

Đối với số tiền mà ông Phụ, bà Cúc còn nợ, bà Khoa yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bà Kh không có yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Ph, bà C là bị đơn trình bày:

Ngày 05/5/2016 ông Ph, bà C thừa nhận có ký giấy xác nhận còn nợ bà Kh 2.640 kg cà phê nhân xô, ông Ph, bà C hẹn cuối năm 2016 trả. Số nợ này là do trước đó ông Ph, bà C vay của bà Kh 1.200 kg cà phê nhân xô, đến ngày 05/5/2016 ông Ph, bà C chưa có cà phê trả cho bà Kh nên bà Kh tính cả gốc và lãi thành 2.640 kg cà phê nhân xô, cho đến nay ông Ph, bà C vẫn chưa trả nợ này cho bà Kh. Số nợ 2.640 kg cà phê nhân xô này ông Ph, bà C hẹn cuối năm 2021 trả 1.000 kg, cuối năm 2022 trả 1.640 kg.

Ngày 14/12/2016 ông Ph thừa nhận có ký giấy ứng của bà Kh 10.000.000 đồng, ông Ph, bà C vẫn chưa trả nợ cho bà Kh. Số nợ 10.000.000 đồng này ông Ph, bà C hẹn tháng 5/2021 sẽ trả dứt điểm.

Ngày 07/12/2017 bà C thừa nhận có ký giấy xác nhận còn nợ bà Kh 17.330.000 đồng, ông Ph, bà C hẹn trả trong vòng 4 tháng, cho đến nay ông Ph, bà C vẫn chưa trả nợ cho bà Kh. Số nợ 17.330.000 đồng này ông Ph, bà C hẹn cuối năm 2022 sẽ trả dứt điểm.

Đối với yêu cầu tính lãi suất của bà Kh, ông Ph, bà C không đồng ý. Ông Ph, bà C chỉ đồng ý trả số nợ gốc, không có khả năng trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc bà Lê Thị Kh khởi kiện ông Lê Ph và bà Trương Thị C tại Tòa án và Toà án thụ lý giải quyết về tranh chấp HĐ vay tài sản là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Ph, bà C thừa nhận là có ký giấy xác nhận nợ bà Kh cụ thể như sau: Ngày 05/5/2016 ông Ph, bà C ký giấy xác nhận còn nợ bà Kh 2.640 kg cà phê nhân xô; ngày 14/12/2016 ông Ph ký giấy ứng của bà Kh 10.000.000 đồng; ngày 07/12/2017 ông Ph, bà C ký giấy xác nhận còn nợ bà Kh 17.330.000 đồng. Do điều kiện, kinh tế gặp khó khăn nên ông Ph, bà C chưa có tiền trả nợ cho bà Kh. Nay ông Ph, bà C xin trả nợ dần cho đến khi trả hết nợ, nhưng bà Kh không đồng ý.

Như vậy, căn cứ vào các giấy vay tiền do bà Kh cung cấp và trong quá trình giải quyết vụ án ông Ph, bà C cũng đã thừa nhận có nợ bà Kh 2.640 kg cà phê nhân xô và

27.330.000 đồng, nên có đủ căn cứ để xác định ông Ph, bà C có nợ bà Kh 2.640 kg cà phê nhân xô và 27.330.000 đồng cho đến nay vẫn chưa trả nợ cho bà Kh. Việc thiết lập hợp đồng vay tài sản giữa bà Kh và ông Ph, bà C là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên đây là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Việc ông Ph, bà C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Kh làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Kh, nên bà Kh khởi kiện yêu cầu ông Ph, bà C phải trả 2.640 kg cà phê nhân xô và 27.330.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3]. Về lãi suất: Tại giấy nợ ghi ngày 07/12/2017, hẹn trả nợ trong vòng 04 tháng (tức ngày 08/4/2018). Do các đương sự không thỏa thuận về lãi suất, xét yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất mà pháp luật quy định của bà Kh là có căn cứ. Căn cứ khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất như sau:

Lãi suất từ ngày 08/4/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/02/2021) là 34 tháng 16 ngày, cụ thể: [(17.330.000 đồng x 10%) : 12 tháng] x 34 tháng = 4.910.000 đồng; [(17.330.000 đồng x 10%) : 12 tháng] x 16 ngày : 30 ngày = 77.000 đồng, tổng cộng lãi là 4.987.000 đồng. Như vậy, tổng cộng gốc và lãi là: (17.330.000 đồng tiền nợ gốc + 4.987.000 đồng tiền nợ lãi) = 22.317.000 đồng.

Nhận thấy, tại giấy nợ ghi ngày 14/12/2016 không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu áp dụng về thời hiệu, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án không áp dụng thời hiệu. Do các đương sự không thỏa thuận về lãi suất, xét yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất mà pháp luật quy định của bà Kh là có căn cứ. Căn cứ khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất như sau: Căn cứ khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự, lãi suất được tính từ ngày thụ lý vụ án là ngày 21/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/02/2021) là 02 tháng 03 ngày, cụ thể: [(10.000.000 đồng x 10%) : 12 tháng] x 02 tháng = 166.000 đồng; [(10.000.000 đồng x 10%) : 12 tháng] x 03 ngày : 30 ngày = 8.000 đồng, tổng cộng lãi là 174.000 đồng. Như vậy, tổng cộng gốc và lãi là: (10.000.000 đồng tiền nợ gốc + 174.000 đồng tiền nợ lãi) = 10.174.000 đồng.

Như vậy, ông Ph, bà C phải trả cho bà Khoa 27.330.000 đồng tiền nợ gốc + 5.161.000 đồng tiền nợ lãi = 32.491.000 đồng.

[4]. Về án phí: Ông Lê Ph và bà Trương Thị C thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Do yêu cầu của bà Kh được chấp nhận, nên cần trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Khoa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kh.

Buộc ông Lê Ph và bà Trương Thị C trả cho bà Lê Thị Kh 32.491.000 đồng (ba mươi hai triệu bốn trăm chín mươi mốt nghìn đồng), trong đó, nợ gốc là 27.330.000 đồng và 5.161.000 đồng tiền nợ lãi và 2.640 kg cà phê nhân xô (hai nghìn sáu trăm bốn mươi ki lô gam).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trả lại cho bà Lê Thị Kh 2.795.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, theo biên lai số AA/2019/0012344 ngày 16/12/2020.

Ông Lê Ph và bà Trương Thị C thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí DSST theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

Đã ký

Nguyễn Huy Vũ